

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-PT

Ngày 24-9-2020

V/v “Chia tài sản sau khi ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Ông Võ Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Bé Thi**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình số sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1991; Địa chỉ: xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988; Địa chỉ: xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962; Địa chỉ: xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh **Phạm Văn Đ**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Đ thuận tình ly hôn theo Quyết định số 410/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung gồm có:

- 01 phần đất diện tích 343m² thuộc thửa 182, tờ bản đồ 11 tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh do chị và anh Đ nhận chuyển nhượng vào ngày 01-4-2019 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đồ dùng sửa xe Hon Da, máy bơm hơi, máy rửa xe, máy hàn, máy cắt.

- Xe mô tô 02 chiếc: xe Sporst, xe novo; tiệm tạp hóa (thuê mặt bằng) và hàng hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị và anh Đ đã thỏa thuận tự phân chia xong, chị có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản:

- Đồ dùng sửa xe Hon Da, máy bơm hơi, máy rửa xe; máy hàn; máy cắt.

- Xe mô tô 02 xe: xe Sporst, xe novo; tiệm tạp hóa

Nay chị yêu cầu chia đôi phần đất 343 m² thuộc thửa 182, tờ bản đồ 11 tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị nhận giá trị bằng tiền do không có nhu cầu sử dụng đất.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D. Đối với phần đất anh không đồng ý chia, anh yêu cầu để tài sản này lại cho con. Trường hợp phải chia thì anh đồng ý chia cho chị D 100.000.000 đồng, anh nhận quyền sử dụng đất và trả tiền cho chị D.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu anh Phạm Văn Đ chia tài sản chung sau khi ly hôn:

Anh Phạm Văn Đ được quyền sử dụng đất diện tích 343m², thửa đất số 182, tờ bản đồ số 11 tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Anh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho chị D số tiền 238.996.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của chị D chia tài sản gồm: Đồ dùng sửa xe Hon Da, máy bơm hơi, máy rửa xe; máy hàn; máy cắt; Xe mô tô 02 xe: xe Sporst, xe novo; tiệm tạp hóa

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

* **Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 07-7-2020 của anh Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Anh Đ trình bày do phần đất chị D yêu cầu chia trong đó có số tiền 180.000.000 đồng mẹ anh là bà Cửa cho vợ chồng anh để mua

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa mẹ anh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn Đ; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ cho rằng phần đất diện tích 343m² thuộc thửa 182, tờ bản đồ 11 tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh là do anh và chị D nhận chuyển nhượng trong thời gian anh chị chung sống. Bà Cửa và anh cho rằng, trong tổng số tiền nhận chuyển nhượng đất có 180.000.000 đồng của bà Cửa cho nhưng chị D không thừa nhận và anh Đ, bà Cửa cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng. Mặt khác, anh Đ và bà Cửa cũng cho rằng bà Cửa cho anh chị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không nhất thiết phải đưa bà Cửa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan vì việc chia phần đất này không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cửa. Do đó, kháng cáo của anh Đ không có căn cứ, hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Án phí phúc thẩm: anh Đ phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo của anh không được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Phạm Văn Đ về “Chia tài sản sau khi ly hôn”

Anh Phạm Văn Đ được quyền sử dụng phần đất diện tích 343m², thửa đất số 182, tờ bản đồ số 11; có tứ cận: Hướng Bắc giáp đường ĐH1 rộng 06m; hướng Nam giáp thửa 122 rộng 06m; hướng Đông giáp thửa 183 dài 57,50m; hướng Tây giáp thửa 181 dài 57,45m, tọa lạc tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Buộc anh Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Ngọc D 238.996.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị D về chia tài sản đối với: Đồ dùng sửa xe Hon Da, máy bơm hơi, máy rửa xe; máy hàn; máy cắt; Xe mô tô 02 xe: xe Sporst, xe novo; tiệm tạp hóa.

3. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, anh Phạm Văn Đ mỗi người chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Buộc anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc D 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn Đ phải chịu 11.949.800 đồng (Mười một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm đồng)

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 11.949.800 đồng (Mười một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 5.512.500 đồng theo biên lai thu số 0003903 ngày 02 tháng 12 năm 2019, chị Nguyễn Thị Ngọc D còn phải nộp tiếp 6.437.300 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm đồng)

7. Án phí phúc thẩm:

Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004829 ngày 10-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh Đ đã nộp xong khoản tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên